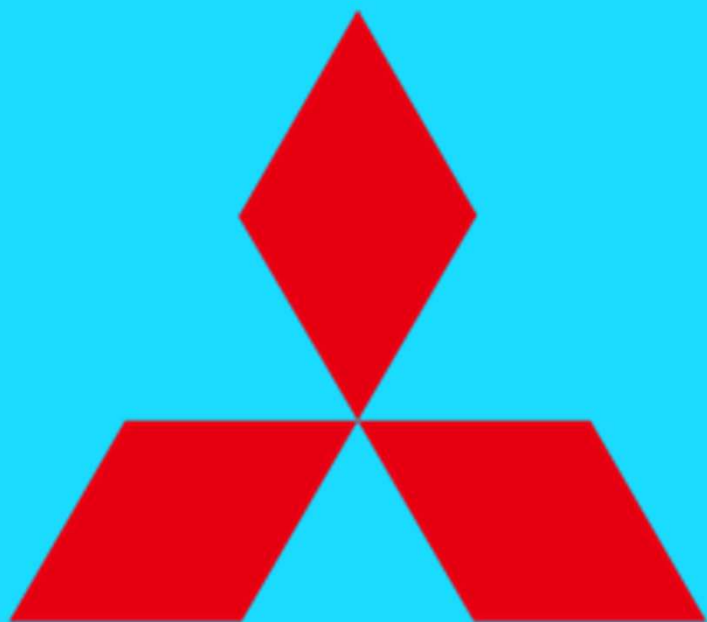


mitsubishi electric viet nam



MITSUBISHI ELECTRIC (JAPAN)

Cam kết chất lượng

Chúng tôi cam kết hàng hóa và sản phẩm dịch vụ thỏa mãn các điều kiện sau:

- 1/ Hàng chính hãng, xuất xứ nguồn gốc rõ ràng (có Co – Cq – Pakinglist).*
- 2/ Sản phẩm được nhà sản xuất – nhà nhập khẩu bảo hành ít nhất 12 tháng*
- 3/ Toàn bộ hàng hóa đều có hóa đơn VAT10% theo ban hành Bộ Tài Chính*
- 4/ Chúng tôi xin cam kết cung cấp cho quý khách hàng dịch vụ tốt nhất*
(Chất lượng hàng tốt nhất – giá thành tốt nhất – phục vụ dịch vụ cho khách hàng tốt nhất)

ĐẠI LÝ ỦY QUYỀN CỦA MITSUBISHI ELECTRIC TẠI VIỆT NAM

Hotline: 0946 885 486

Email: mitsubishi.apc@gmail.com

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 01

Hình ảnh	Mã hàng	Điện áp cuộn Coil	Đơn giá 2014 (VNĐ)
	S-N10	AC120(110-120V)/AC230V(220-240) / AC400V(380-415)	422.000 đ
	S-N12	AC120(110-120V)/AC230V(220-240) / AC400V(380-415)	506.000 đ
	S-N20	AC120(110-120V)/AC230V(220-240) / AC400V(380-415)	754.000 đ
	S-N25	AC120(110-120V)/AC230V(220-240) / AC400V(380-415)	1.001.000 đ
	S-N35	AC120(110-120V)/AC230V(220-240) / AC400V(380-415)	1.086.000 đ
	S-N50	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	2.165.000 đ
	S-N65	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	2.329.000 đ
	S-N80	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	3.328.000 đ
	S-N95	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	3.745.000 đ
	S-N125	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	5.239.000 đ
	S-N150	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	6.984.000 đ
	S-N180	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	8.729.000 đ
	S-N220	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	9.227.000 đ
	S-N300	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	15.127.000 đ
	S-N400	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	19.613.000 đ
	S-N600	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	48.941.000 đ
	S-N800	AC100(100-127V)/AC200V(200-240) / AC400V(380-440)	65.140.000 đ
Mechanical Interlock (Khoá liên động cơ khí)			
	UN-ML	11 Dừng cho S-N10/12	552.000 đ
	UN-ML	21 Dừng cho S-N20/25/35/50/65	689.000 đ
	UN-ML	80 Dừng cho S-N80/95/125	872.000 đ
	UN-ML	150 Dừng cho S-N150	933.000 đ
	UN-ML	220 Dừng cho S-N180/220/300/400	1.107.000 đ
Auxiliary Contact Block (Khởi tiếp điểm phụ)			
	UN-AX11	1NO+1NC Dừng cho S-N10/12/20/25/35/50/65 (gắn bên hông)	319.000 đ
	UN-AX2-1A1B	1NO+1NC Dừng cho S-N10/12/20/25/35/50/65 (gắn trên đầu)	339.000 đ
	UN-AX4-2A2B	2NO+2NC Dừng cho S-N10/12/20/25/35/50/65 (gắn trên đầu)	449.000 đ
	UN-AX80	1NO+1NC Dừng cho S-N80/95/125 (gắn bên hông)	548.000 đ
	UN-AX150	1NO+1NC Dừng cho S-N150/180/220/300/400	565.000 đ
	UN-AX2 2A	2NO S-N10/12	435.000 đ
	UN-AX2 2B	2NC S-N25/18/28	435.000 đ
	Relay contactor		
	SR-N4	AC220V 2A2B	612.000 đ
	Time delay Module		
	UN-TR4AN		1.242.000 đ
	Time delay relay		
	SRT-NN AC220V 0~60sec (On delay)		2.638.000 đ
	Voltage detection relay		
	SRE-KT (AC160~230V)		3.980.000 đ
	SRE-K (AC150~210V)		3.980.000 đ
Thermal Overload Relay Tiêu chuẩn IEC-60947-4-1 / EN60947-4-1/ VDE0660/ NEMA-ICS			
Relay bảo vệ quá tải	Loại	Dòng tác động bảo vệ	
	TH-N 12	0.12, 0.17, 0.24, 0.35, 0.5, 0.7/0.9/1.3/1.7/2.1/2.5/3.6/5/6.6/9/11A	384.000 đ
	TH-N 20	0.24, 0.35, 0.5, 0.7, 0.9, 1.3, 1.7, 2.1, 2.5, 3.6/5/6.6/9/11/15/19A	431.000 đ
	TH-N 20TA	22/29/35A	476.000 đ
	TH-N 60	15/22/29/35/42/54A	667.000 đ
	TH-N 60TA	67/82/95A	729.000 đ
	TH-N 120	42/54/67/82A	1.034.000 đ
	TH-N 120TA	105/125A	1.155.000 đ
	TH-N 220RH	82/105/125/150/180/210A	2.514.000 đ
	TH-N 400RH	105/125/150/180/250/330A	2.955.000 đ
	TH-N 600	250/330/500/660A (*)	667.000 đ
	(*) CT khách hàng tự trang bị		



Edited with Infix PDF
- free for non-commercial use

To remove this notice
www.iceni.com/unlock

ĐẠI LÝ ỦY QUYỀN CỦA MITSUBISHI ELECTRIC TẠI VIỆT NAM

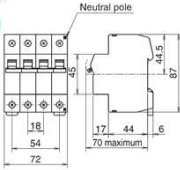
Hotline: 0946 885 486

Email: mitsubishi.apc@gmail.com

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 02

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc tính (số cực, dòng định mức)	Dòng ngắn mạch Ics/230VAC	Đơn giá 2014 (VNĐ)
   	MCB Tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35mm (1 cực)			
	BH-D6	1P 6A	6KA	127.000 đ
	BH-D6	1P 10A, 13A, 16A, 20A	6KA	127.000 đ
	BH-D6	1P 25A, 32A	6KA	127.000 đ
	BH-D6	1P 40A	6KA	127.000 đ
	BH-D6	1P 50A	6KA	250.000 đ
	BH-D6	1P 63A	6KA	250.000 đ
	MCB Tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35mm (2 cực)		Ics/230VAC	
	BH-D6	2P 6A	6KA	306.000 đ
	BH-D6	2P 10A, 13A, 16A, 20A	6KA	306.000 đ
	BH-D6	2P 25A, 32A	6KA	306.000 đ
	BH-D6	2P 40A	6KA	306.000 đ
	BH-D6	2P 50A	6KA	515.000 đ
	BH-D6	2P 63A	6KA	515.000 đ
	MCB Tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35mm (3 cực)		Ics/400VAC	
	BH-D6	3P 6A	6KA	476.000 đ
	BH-D6	3P 10A, 13A, 16A, 20A	6KA	476.000 đ
	BH-D6	3P 25A, 32A	6KA	476.000 đ
	BH-D6	3P 40A	6KA	476.000 đ
	BH-D6	3P 50A	6KA	753.000 đ
	BH-D6	3P 63A	6KA	753.000 đ
	MCB Tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35mm (4 cực)		Ics/400VAC	
	BH-D6	4P 6A	6KA	831.000 đ
	BH-D6	4P 10A, 13A, 16A, 20A	6KA	591.000 đ
	BH-D6	4P 25A, 32A	6KA	645.000 đ
	BH-D6	4P 40A	6KA	764.000 đ
	BH-D6	4P 50A	6KA	973.000 đ
	BH-D6	4P 63A	6KA	1.050.000 đ
  	MCB Tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35mm (1 cực)		Ics/230VAC	
	BH-D10	1P 6A	10KA	247.000 đ
	BH-D10	1P 10A, 13A, 16A, 20A	10KA	182.000 đ
	BH-D10	1P 25A, 32A	10KA	205.000 đ
	BH-D10	1P 40A	10KA	247.000 đ
	BH-D10	1P 50A	10KA	299.000 đ
	BH-D10	1P 63A	10KA	322.000 đ
	MCB Tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35mm (2 cực)		Ics/230VAC	
	BH-D10	2P 6A	10KA	581.000 đ
	BH-D10	2P 10A, 13A, 16A, 20A	10KA	438.000 đ
	BH-D10	2P 25A, 32A	10KA	480.000 đ
	BH-D10	2P 40A	10KA	510.000 đ
	BH-D10	2P 50A	10KA	664.000 đ
	BH-D10	2P 63A	10KA	697.000 đ
	MCB Tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35mm (3 cực)		Ics/400VAC	
	BH-D10	3P 6A	10KA	550.000 đ
	BH-D10	3P 10A, 13A, 16A, 20A	10KA	697.000 đ
	BH-D10	3P 25A, 32A	10KA	756.000 đ
	BH-D10	3P 40A	10KA	889.000 đ
	BH-D10	3P 50A	10KA	1.016.000 đ
	BH-D10	3P 63A	10KA	1.073.000 đ

Edited with Infix PDF

- free for non-commercial use

To remove this notice

www.iceni.com/unlock

ĐẠI LÝ ỦY QUYỀN CỦA MITSUBISHI ELECTRIC TẠI VIỆT NAM

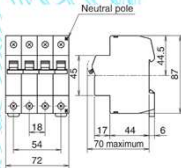
Hotline: 0946 885 486

Email: mitsubishi.apc@gmail.com

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 03

Hình ảnh	Loại	Đặc tính (số cực, dòng định mức)	Dòng ngắn mạch Ics/230VAC	Đơn giá 2014 (VND)
	MCB Tiêu chuẩn, gắn trên thanh rail 35mm (4 cực)		Ics/400VAC	
	BH-D10	4P 6A	10KA	1.139.000 đ
	BH-D10	4P 10A, 13A, 16A, 20A	10KA	915.000 đ
	BH-D10	4P 25A, 32A	10KA	1.016.000 đ
	BH-D10	4P 40A	10KA	1.164.000 đ
	BH-D10	4P 50A	10KA	1.323.000 đ
	BH-D10	4P 63A	10KA	1.424.000 đ
	Shunt trip			
	SHTA400-05DLS	AC110-400V BH-D6/BH-D10		1.976.000 đ
	SHTA048-05DLS	DC24-48V BH-D6/BH-D10		1.976.000 đ
	Tiếp điểm phụ và tiếp điểm cảnh báo			
	AL-05DLS	1AL BH-D6/BH-D10		1.178.000 đ
	AX-05DLS	1AX BH-D6/BH-D10		1.002.000 đ
	ALAX-05DLS	1AX1AL BH-D6/BH-D10		2.278.000 đ
	AX2-05DLS	2AX BH-D6/BH-D10		2.088.000 đ
RCCB (Residual Current Circuit Breaker) /Tiêu chuẩn IEC-61008-1				
	BV-D	2P 25A	30mA	1.443.000 đ
	BV-D	2P 40A	30mA	1.528.000 đ
	BV-D	2P 63A	30mA	1.842.000 đ
	BV-D	4P 25A	30mA	2.329.000 đ
	BV-D	4P 40A	30mA	2.471.000 đ
	BV-D	4P 63A	30mA	3.201.000 đ
	BV-D	2P 25A	300mA	1.443.000 đ
	BV-D	2P 40A	300mA	1.528.000 đ
	BV-D	2P 63A	300mA	1.842.000 đ
	BV-D	4P 25A	300mA	2.329.000 đ
	BV-D	4P 40A	300mA	2.471.000 đ
	BV-D	4P 63A	300mA	3.201.000 đ
	Combined RCD/MCB devices(RCBO)/Tiêu chuẩn IEC-61009-1			
	BV-DN	1PN 6A	4,5kA,30mA	1.425.000 đ
	BV-DN	1PN 10A	4,5kA,30mA	
	BV-DN	1PN 16A	4,5kA,30mA	
	BV-DN	1PN 20A	4,5kA,30mA	
	BV-DN	1PN 25A	4,5kA,30mA	1.600.000 đ
	BV-DN	1PN 32A	4,5kA,30mA	
	BV-DN	1PN 6A	4,5kA,100mA	
	BV-DN	1PN 10A	4,5kA,100mA	1.425.000 đ
	BV-DN	1PN 16A	4,5kA,100mA	
	BV-DN	1PN 20A	4,5kA,100mA	
	BV-DN	1PN 25A	4,5kA,100mA	1.600.000 đ
	BV-DN	1PN 32A	4,5kA,100mA	
	BV-DN	1PN 6A	4,5kA,300mA	
	BV-DN	1PN 10A	4,5kA,300mA	1.425.000 đ
	BV-DN	1PN 16A	4,5kA,300mA	
	BV-DN	1PN 20A	4,5kA,300mA	
	BV-DN	1PN 25A	4,5kA,300mA	1.600.000 đ
	BV-DN	1PN 32A	4,5kA,300mA	

Edited with Infix PDF

- free for non-commercial use

To remove this notice

www.iceni.com/unlock

ĐẠI LÝ ỦY QUYỀN CỦA MITSUBISHI ELECTRIC TẠI VIỆT NAM

Hotline: 0946 885 486

Email: mitsubishi.apc@gmail.com

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 04

Hình ảnh	Loại	Đặc tính (số cực, dòng định mức)	Dòng ngắn mạch Icu	Đơn giá 2014 (VNĐ)
MCCB CB kiểu vỏ đúc (Molded Case Circuit Breaker) - Tiêu chuẩn IEC-60947-2				
	C SERIES			
	MCCB 2 P			
	Loại kinh tế	số cực	Dòng định mức	AC230V
	NF63-CV	2P	(3,4,6,10,16,20,25,32,40,50,63)A	7.5KA 875.000 đ
	NF125-CV	2P	(50,63,80,100,125)A	30KA 1.430.000 đ
	NF250-CV	2P	(125,150,175,200,225,250)A	36KA 3.091.000 đ
	Loại tiêu chuẩn			
	NF32-SV	2P	(3,4,6,10,16,20,25,32)A	7.5KA 875.000 đ
	NF63-SV	2P	(3,4,6,10,16,20,25,32,40,50,63)A	15KA 1.042.000 đ
	NF125-SV	2P	(16,20,32,40,50,63,80,100,125)A	50KA 2.062.000 đ
	NF125-SGV	2P	(16~20,20~25, 25~32, 32~40, 35~50, 45~63, 56~80, 70~100, 90~125) A T/Adj	85KA 3.649.000 đ
	NF125-LGV	2P	(16~20,20~25, 25~32, 32~40, 35~50, 45~63, 56~80, 70~100, 90~125) A T/Adj	90KA 4.584.000 đ
	NF160-SGV	2P	(125~160)A T/Adj	85KA 4.358.000 đ
	NF160-LGV	2P	(125~160)A T/Adj	90KA 6.177.000 đ
	NF250-SV	2P	(125,150, 160, 175, 200, 225, 250)A	85KA 4.438.000 đ
	NF250-SGV	2P	(125~160, 140~200, 175~250)A T/Adj	85KA 4.990.000 đ
	NF250-LGV	2P	(125~160, 140~200, 175~250)A T/Adj	90KA 6.734.000 đ
	Loại dòng cắt ngắn mạch cao			
	NF63-HV	2P	(10,16,20,25,32,40,50,63)A	25KA 1.127.000 đ
	NF125-HV	2P	(16,20,32,40,50,63,80,100, 125)A	100KA 3.407.000 đ
	NF125-HGV	2P	(16~20,20~25, 25~32, 32~40, 35~50, 45~63, 56~80, 70~100, 90~125)A T/ Adj	100KA 7.136.000 đ
	NF160-HGV	2P	(125~160)A T/Adj	100KA 9.611.000 đ
	NF250-HV	2P	(125,150, 160,175,200,225,250)A	100KA 5.068.000 đ
	NF250-HGV	2P	(125~160, 140~200, 175~250)A T/Adj	100KA 10.486.000 đ
	C SERIES			
	MCCB 3P			
	Loại kinh tế	Icu/AC400V		
	NF63-CV	3P	(3,4,6,10,16,20,25,32,40,50,63)A	5KA 1.114.000 đ
	NF125-CV	3P	(50,63,80,100,125)A	10KA 1.909.000 đ
	NF250-CV	3P	(125,150,175,200,225,250)A	25KA 4.271.000 đ
	NF400-CW	3P	(250,300,350,400)A	36KA 9.508.000 đ
	NF630-CW	3P	(500,600,630)A	36KA 15.749.000 đ
	NF800-CEW	3P	(400~800)A Adj	36KA 25.561.000 đ
	Loại tiêu chuẩn			
	NF32-SV	3P	(3,4,6,10,16,20,25,32)A	5KA 1.192.000 đ
	NF63-SV	3P	(3,4,6,10,16,20,25,32,40,50,63)A	7.5KA 1.273.000 đ
	NF125-SV	3P	(16,20,32,40,50,63,80,100,125)A	30KA 2.616.000 đ
	NF125-SGV	3P	(16~20,20~25, 25~32, 32~40, 35~50, 45~63, 56~80, 70~100, 90~125)A T/Adj	36KA 4.374.000 đ
	NF125-LGV	3P	(16~20,20~25, 25~32, 32~40, 35~50, 45~63, 56~80, 70~100, 90~125)A T/Adj	50KA 6.551.000 đ
	NF125-SEV	3P	(16~32,32~63,63~125)A E/Adj	36KA 12.824.000 đ
	NF160-SGV	3P	(125~160)A T/Adj	36KA 6.176.000 đ
	NF160-LGV	3P	(125~160)A T/Adj	50KA 8.793.000 đ
	NF250-SV	3P	(125,150, 160, 175,200,225,250)A	36KA 5.588.000 đ
	NF250-SGV	3P	(125~160, 140~200, 175~250)A T/Adj	36KA 11.170.000 đ
	NF250-LGV	3P	(125~160, 140~200, 175~250)A T/Adj	50KA 9.640.000 đ
	NF250-SEV	3P	(80~160, 125~250)A E/Adj	36KA 14.010.000 đ
	NF400-SW	3P	(250,300,350,400)A	45KA 11.350.000 đ
	NF400-SEW	3P	(200~400)A Adj	50KA 19.415.000 đ
	NF630-SW	3P	(500,600,630)A	50KA 18.975.000 đ
	NF630-SEW	3P	(300~630)A Adj	50KA 25.314.000 đ
	NF800-SEW	3P	(400~800)A Adj	50KA 28.075.000 đ
	NF 1000-SEW	3P	(500~1000) A Adj	85KA 47.441.000 đ
	NF 1250-SEW	3P	(600~1250) A Adj	85KA 57.591.000 đ
	NF 1600-SEW	3P	(800~1600) A Adj	85KA 73.430.000 đ



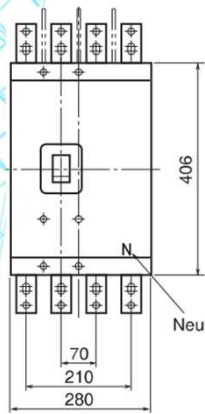
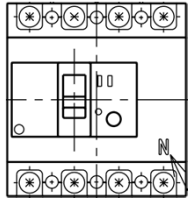
Edited with Infix PDF
- free for non-comm

To remove this notice
www.icenicom/unloc

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 05

Hình ảnh	Loại	Đặc tính (số cực, dòng định mức)	Dòng ngắn mạch Icu	Đơn giá 2014 (VND)
	H SERIES		Loại dòng cắt ngắn mạch cao	Icu/AC400V
	NF63-HV	3P (10,16,20,25,32,40,50,63)A	10KA	1.377.000 đ
	NF125-HV	3P (16,20,32,40,50,63,80,100, 125)A	50KA	4.913.000 đ
	NF125-HGV	3P (16~20,20~25, 25~32, 32~40, 35~50, 45~63, 56~80, 70~100, 90~125)A T/Adj	75KA	10.190.000 đ
	NF125-HEV	3P (16~32,32~63,63~125)A E/Adj	75KA	19.039.000 đ
	NF160-HGV	3P (125~160)A T/adj	75KA	13.680.000 đ
	NF250-HV	3P (125,150, 160, 175,200,225,250)A	75KA	7.840.000 đ
	NF250-HGV	3P (125~160, 140~200, 175~250)A T/Adj	75KA	14.999.000 đ
	NF250-HEV	3P (80~160, 125~250)A E/Adj	75KA	21.119.000 đ
	NF400-HEW	3P (200~400)A Adj	70KA	21.328.000 đ
	NF630-HEW	3P (300~630)A Adj	70KA	28.116.000 đ
	NF800-HEW	3P (400~800)A Adj	70KA	30.862.000 đ
	S SERIES		Loại tiêu chuẩn	Icu/AC400V
	NF63-SV	4P (3,4,6,10,16,20, 25,32,40,50, 63)A	7.5KA	1.666.000 đ
	NF125-SV	4P (16,20,32,40,50,63,80,100,125)A	30KA	3.725.000 đ
	NF125-SGV	4P (16~20,20~25, 25~32, 32~40, 35~50, 45~63, 56~80,70~100,90~125)A T/Adj	36KA	5.658.000 đ
	NF125-LGV	4P (16~20,20~25, 25~32, 32~40, 35~50, 45~63, 56~80,70~100,90~125)A T/Adj	50KA	8.525.000 đ
	NF125-SEV	4P (16~32,32~63,63~125)A E/Adj	36KA	16.621.000 đ
	NF160-SGV	4P (125~160)A T/Adj	36KA	8.074.000 đ
	NF160-LGV	4P (125~160)A E/Adj	50KA	11.424.000 đ
	NF 250-SV	4P (125,150,160,175,200,225,250)A	36KA	8.155.000 đ
	NF250-SGV	4P (125~160, 140~200, 175~250)A T/Adj	36KA	9.262.000 đ
	NF250-LGV	4P (125~160, 140~200, 175~250)A T/Adj	50KA	12.545.000 đ
	NF250-SEV	4P (80~160, 125~250)A E/Adj	36KA	18.125.000 đ
	NF400-SW	4P (250,300,350,400)A	45KA	15.354.000 đ
	NF630-SW	4P (500,600,630)A	50KA	22.002.000 đ
	NF800-SEW	4P (400~800)A Adj	50KA	38.618.000 đ
	NF-1000-SEW	4P (500~1000)A Adj	85KA	86.040.000 đ
	NF1250-SEW	4P (600~1250)A Adj	85KA	90.254.000 đ
	NF 1600-SEW	4P (800~1600) A Adj	85KA	132.842.000 đ
	H SERIES		Icu/AC400V	
	NF63-HV	4P (10,16,20,25,32,40,50,63)A	10KA	1.903.000 đ
	NF125-HV	4P (16,20,32,40,50,63,80,100, 125)A	50KA	6.415.000 đ
	NF125-HGV	4P (16~20,20~25,25~32, 32~40, 35~50, 45~63,56~80, 70~100, 90~125)A T/Adj	75KA	13.250.000 đ
	NF125-HEV	4P (16~32,32~63,63~125)A E/Adj	75KA	24.750.000 đ
	NF160-HGV	4P (125~160)A T/Adj	75KA	17.763.000 đ
	NF250-HV	4P (125,150,160,175,200,225,250)A	75KA	9.342.000 đ
	NF250-HGV	4P (125~160,140~200,175~250)A T/Adj	75KA	17.763.000 đ
	NF250-HEV	4P (80~160,125~250)A E/Adj	75KA	27.511.000 đ
	NF400-HEW	4P (200~400)A /Adj	70KA	36.645.000 đ
	NF630-HEW	4P (300~630)A /Adj	70KA	50.008.000 đ
	NF800-HEW	4P (400~800)A /Adj	70KA	62.114.000 đ

ĐẠI LÝ ỦY QUYỀN CỦA MITSUBISHI ELECTRIC TẠI VIỆT NAM

Hotline: 0946 885 486

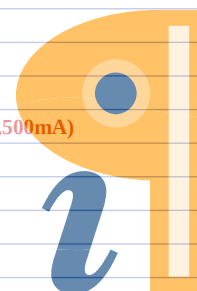
Email: mitsubishi.apc@gmail.com

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 06

Hình ảnh	Loại	Đặc tính (số cực, dòng định mức)	Dòng ngắn mạch Icu AC400V	Đơn giá 2014 (VND)
ELCB	CB Bảo vệ dòng rò (Earth-leakage Circuit Breaker)			
C SERIES	Loại kinh tế	2P	Dòng định mức (dòng rò: 30mA. 1,2,500mA)	
	NV63-CV(HS)*	2P	(5,10,15,20,30,40,50,60,63)A	7.5KA liên hệ
C SERIES	Loại kinh tế	3P	Dòng định mức (dòng rò: 30mA. 1,2,500mA)	
	NV63-CV(HS)*	3P	(5,10,15,20,30,40,50,60,63)A	5KA 2.339.000 đ
	NV125-CV(HS)*	3P	(60,75,100,125)A	10KA 3.824.000 đ
	NV250-CV(HS)*	3P	(125,150,175,200,225,250)A	25KA 7.216.000 đ
	NV400-CW(HS)*	3P	(250,300,350,400)A	36KA 16.261.000 đ
	NV630-CW(TD)**	3P	(500,600,630)A	36KA 51.447.000 đ
S SERIES	Loại tiêu chuẩn	Dòng định mức (dòng rò: 30mA. 1,2,500mA)	Icu/AC400V	
	NV32-SV(HS)*	3P	(5,10,15,20,30,32)A	5KA 2.832.000 đ
	NV63-SV(HS)*	3P	(5,10,15,20,30,40,50,60,63)A	7.5KA 2.975.000 đ
	NV125-SV(HS)*	3P	(15,20,30,40,50,60,75,100,125)A	30KA 11.598.000 đ
	NV125-SEV(HS)*	3P	(50,60,75,100,125)A	36KA 33.857.000 đ
	NV125-SEV(HS)*(CE)	3P	(63~125)A	36KA 40.623.000 đ
	NV250-SV(HS)*	3P	(125,150,175,200,225,250)A	36KA 13.788.000 đ
	NV250-SEV(HS)*	3P	(125~250)A Adj	36KA 34.830.000 đ
	NV400-SW(TD)**	3P	(250,300,350,400)A	45KA 38.720.000 đ
	NV400-SEW(HS)*	3P	(200~400)A Adj	50KA 38.425.000 đ
	NV400-SEW(TD)**	3P	(200~400)A Adj	50KA 38.827.000 đ
	NV630-SW(TD)**	3P	(500,600,630)A	50KA 60.491.000 đ
	NV630-SEW(TD)**	3P	(300~630)A Adj	50KA 63.529.000 đ
	NV800-SEW(TD)**	3P	(400~800)A Adj	50KA 81.909.000 đ
H SERIES	Loại dòng cắt ngắn mạch cao	Dòng định mức (dòng rò: 30mA. 1,2,500mA)	Icu/AC400V	
	NV63-HV(HS)*	3P	(15,20,30,40,50,60,63)A	10KA 3.878.000 đ
	NV125-HV(HS)*	3P	(15,20,30,40,50,60,75,100,125)A	50KA 12.798.000 đ
	NV125-HEV(HS)*	3P	(50,60,75,100,125)A	75KA 37.237.000 đ
	NV125-HEV(HS)*(CE)	3P	(63~125)A Adj	75KA 44.684.000 đ
	NV250-HV(HS)*	3P	(125,150,175,200,225,250)A	75KA 14.212.000 đ
	NV250-HEV(HS)*	3P	(125~250)A Adj	75KA 38.275.000 đ
	NV400-HEW(HS)*	3P	(200~400)A Adj	70KA 38.585.000 đ
	NV400-HEW(TD)**	3P	(200~400)A Adj	70KA 39.311.000 đ
	NV630-HEW(TD)**	3P	(300~630)A Adj	70KA 66.676.000 đ
	NV800-HEW(TD)**	3P	(400~800)A Adj	70KA 94.593.000 đ
S SERIES	Loại tiêu chuẩn	Dòng định mức (dòng rò: 30mA. 1,2,500mA)	Icu/AC400V	
	NV125-SV(HS)*	4P	(15,20,30,40,50,60,75,100,125)A	30KA 15.059.000 đ
	NV125-SEV(HS)*	4P	(50,60,75,100,125)A	36KA 44.191.000 đ
	NV125-SEV(HS)*(CE)	4P	(63~125)A	36KA 53.027.000 đ
	NV400-SEW(HS)*	4P	(200~400)A Adj	50KA 52.709.000 đ
	* HS: High Speed type	** TD: Time delay type		
	NV400-SEW(TD)**	4P	(200~400)A Adj	50KA 53.112.000 đ
	NV630-SEW(TD)**	4P	(300~630)A Adj	50KA 66.155.000 đ
H SERIES	Loại dòng cắt ngắn mạch cao	Dòng định mức (dòng rò: 30mA. 1,2,500mA)	Icu/AC400V	
	NV125-HV(HS)*	4P	(15,20,30,40,50,60,75,100,125)A	50KA 18.302.000 đ
	NV125-HEV(HS)*	4P	(50,60,75,100,125)A	75KA 48.622.000 đ
	NV125-HEV(HS)*(CE)	4P	(63~125)A	75KA 53.112.000 đ
	NV400-HEW(HS)*	4P	(200~400)A Adj	70KA 55.292.000 đ
	NV400-HEW(TD)**	4P	(200~400)A Adj	70KA 56.503.000 đ
	* HS: High Speed type			
	** TD: Time delay type			



Edited with Infix PDF
- free for non-commercial use

To remove this notice
www.iceni.com/unlock

ĐẠI LÝ ỦY QUYỀN CỦA MITSUBISHI ELECTRIC TẠI VIỆT NAM

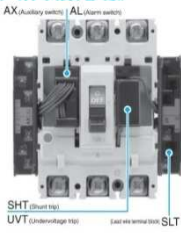
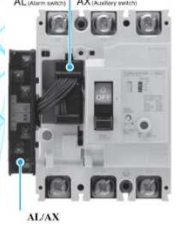
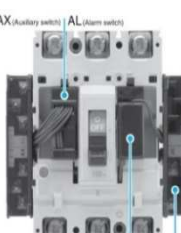
Hotline: 0946 885 486

Email: mitsubishi.apc@gmail.com

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 07

Hình ảnh	Shunttrip	Lắp cho	Điện áp	Đơn giá 2014 (VNĐ)
Phụ kiện MCCB				
	SHTA240-05SVR	NF32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,160S GV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	100-240 ACV, Lắp phải	2.031.000 đ
	SHTA240-05SVL	NV32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SEV/HEV, 250- CV/SV/HV/SEV/HEV	100-240 ACV, Lắp trái	2.031.000 đ
	SHTA550-05SVR	NF32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,160S GV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	380-550 ACV, Lắp phải	2.031.000 đ
	SHTA550-05SVL	NV32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SEV/HEV,250- CV/SV/HV/SEV/HEV	380-550 ACV, Lắp trái	2.031.000 đ
	SHT-4SW	TRAI/PHAI NF400/630/800CW/SW/HW/SEW/HEW	100-450 ACV	2.108.000 đ
		TRAI NV400/630/800CW/SW/HW/SEW/HEW		2.108.000 đ
	SHTA240-10SWR	PHAI NF1000/1250/1600SEW/HEW(3 cực)	200-240 ACV	3.089.000 đ
	SHTA240-10SWRF(4P)	PHAI NF1000/1250/1600SEW/HEW (4 cực)	200-240 ACV	3.283.000 đ
	Tiếp điểm phụ, tiếp điểm cảnh báo, kiểu đấu dây Flying lead			
	AX-05SV	NF32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,160S GV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV.NV32- SV,63CV/SV/HV,125-CV/SV/HV/SEV/HEV,250CV/SV/HV/SEV/HEV	NF3P/4P,NV3P/ Trái, phải	1.122.000 đ
	AX-05SVRS	NF32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,160S GV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV.	NF2P/3P/4P/ lắp phải, kèm SLT	1.643.000 đ
	AX-05SVLS	NF32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,160S GV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV.NV32-SV, 63CV/SV/HV,125-CV/SV/HV/SEV/HEV,250CV/SV/HV/SEV/HEV	NF2P/3P/4P/ lắp trái, kèm SLT	1.643.000 đ
	AL-05SV	GV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV.NV32- SV,63CV/SV/HV,125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250CV/SV/HV/SEV/HEV	NF3P/4P,NV3P/ Trái, phải	988.000 đ
	AL-05SVRS	NF32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,160S GV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV.	NF2P/3P/4P/ lắp phải, kèm SLT	1.227.000 đ
	AL-05SVLS	GV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV.NV32- SV,63CV/SV/HV,125-CV/SV/HV/SEV/HEV, 250CV/SV/HV/SEV/HEV	NF2P/3P/4P/ lắp trái, kèm SLT	1.227.000 đ
	AL-4SWL	NF/NV400,630,800-CW/SW/HW/CEW/SEW/HEW	NF2P/3P/4P lắp trái	1.705.000 đ
	AX-4SW	NF400,630,800-CW/SW/HW/SEW/HEW	NF2P/3P/4P lắp trái,2/3P phải	1.989.000 đ
		NV400,630,800-CW/SW/HW/SEW/HEW	NV2/3/4P lắp trái	
	AL-10SW	NF1000,1250,1600SEW	NF 3P/4P lắp trái	3.129.000 đ
	AX-10SWL	NF1000,1250,1600SEW	NF3P/4P lắp trái	2.551.000 đ
	AX-10SWR	NF1000,1250,1600SEW	NF3P lắp phải	2.551.000 đ
	AX-10SWRF	NF1000,1250,1600SEW	NF 4P lắp phải	4.611.000 đ
	Tiếp điểm phụ và tiếp điểm cảnh báo, kiểu đấu dây Flying lead			
	ALAX-05SV	SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV. NV32-SV, 63-CV/SV/HV, 125- V/HEV, 250-CV/SV/HV/SEV/HEV	NF2P/3P/4P lắp trái/phải, NV trái	2.356.000 đ
	ALAX-4SWL	NF/NV400,630,800-CW/SW/HW/SEW/HEW	NV 2P/3P/4P lắp trái	liên hệ
	Relay cắt điện áp thấp UVT			
	UVTSA250-05SVR	NF32SV,63CV/SV/HV,125LGV/HGV/SEV/HEV,160SGV/LGV/HGV,2 50CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	AC 100-250V lắp phải- reset	5.522.000 đ
	UVTSA480-05SVR	NF32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,160S GV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	AC 380-480V lắp phải- reset	5.522.000 đ
	UVTSA250-05SVL	NV32-SV, 63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SEV/HEV, 250- CV/SV/HV/SEV/HEV.NF32SV,63CV/SV/HV,	AC 100-250V lắp trái- reset	5.522.000 đ
	UVTSA480-05SVL	SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HV NV32-SV, 63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SEV/HEV, 250- CV/SV/HV/SEV/HEV. NF32SV,63CV/SV/HV,	AC 380-480V lắp trái- reset	5.522.000 đ
	UVTNA250-05SVR	SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HV NF32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SGV/LGV/	AC 100-250V lắp phải- non reset	5.522.000 đ
	UVTNA480-05SVR	V/HEV NF32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,160S GV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	AC 380-480V lắp phải- non reset	5.522.000 đ

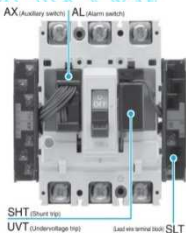
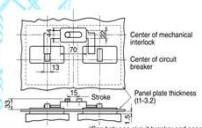
Edited with Infix PDF
free for non-commercial use

To remove this notice
www.iceni.com/unlock

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 08

Hình ảnh	Shuntrip	Lắp cho	Điện áp	Đơn giá 2014 (VNĐ)
	UVTNA250-05SVL	NV32-SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SEV/HEV,250-CV/SV/HV/SEV/HEV,NF32SV,63CV/SV/HV, 125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	AC 100-250V lắp trái- non reset	5.522.000 đ
	UVTNA480-05SVL	NV32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SEV/HEV,250-CV/SV/HV/SEV/HEV,NF32SV,63CV/SV/HV,125-CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	AC 380-480V lắp trái -non reset	5.522.000 đ
	UVTSA130-4SW	NV800SEW/HEW	100-110/120-130VAC. NF phải+trái. NV trái	5.650.000 đ
	UVTSA250-4SW	NV400CW/SW/SEW, 630CW/SW/SEW/HEW, NV800SEW/HEW	200-220/230-250VAC. NF2P/3P/4P phải+trái. NV2P/3P/4P trái	5.650.000 đ
	UVTSA480-4SW	W.NV400CW/SW/SEW, 630CW/SW/SEW/HEW, NV800SEW/HEW	380-415/440-480VAC. NF2P/3P/4P phải+trái. NV2P/3P/4P trái	5.650.000 đ
	UVTNA250-10SWR	NF 1000/1250/1600 3P	200-220/230-250VAC. NF3P phải	8.116.000 đ
	UVTNA250-10SWRF	NF 1000/1250/1600 4P	200-220/230-250VAC. NF4P phải	
	Liên động cơ khí MI			
	MI-05SV3	2P/3P NF32SV,63CV/SV/HV,125CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,HEV,250CV/SV/HV/SEV/HEV		3.209.000 đ
	MI-05SV4	4P NF63SW/HW		4.753.000 đ
	MI-1SV4	4P NF/NV 125SV/HV		4.753.000 đ
	MI-2SV4	4P NF125SEV/HEV/SGV/LGV/HGV,160SGV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV,NV125SEV/HEV,250CV/SV/HV/SEV/HEV		4.831.000 đ
	MI-4SW3	2/3P NF/NV400/630CW/SW/SEW/HEW		3.078.000 đ
	MI-8SW3	2/3P NF 800CEW/SDW/SEW/HEW/NV800SEW/HEW		3.343.000 đ
	MI-10SW3	3P NF1000,1250SEW		3.605.000 đ
	MI-16W3	3P NF1600SEW		5.887.000 đ
	MI-4SW4	4P NF/NV400/630CW/SW/SEW/HEW		4.745.000 đ
	MI-8SW4	4P NF 800CEW/SDW/SEW/HEW/NV800SEW/HEW		4.920.000 đ
	MI-10SW4	4P NF1000,1250SEW		5.801.000 đ
	MI-16SW4	4P NF1600SEW		9.488.000 đ
	Tay xoay kiểu V			
	V-05SV2	NF2P NF32SV, NF63CV/SV/HV		2.010.000 đ
	V-05VS*	NF3/4P, NV2/3P NF32SV, NF63CV/SV/HV, NV32SV, NV63CV/SV/HV		2.010.000 đ
	V-1SV2	NF2P NF125CV/SV		2.010.000 đ
	V-1SV*	NF2/3/4P, NV3/4P NF125CV/SV/HV, NV125CV/SV/HV		2.010.000 đ
	V-2SV*	NF2/3/4P, NV3/4P NF125SEV/HEV/SGV/LGV/HGV,160SGV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV, NV125SEV/HEV,250CV/SV/HV/SEV/HE		2.483.000 đ
	V-4S*	NF2/3/4P,NV3/4P NF400/630C/S/SEW/HEW, NV400/630CW/SW/SEW/HEW		2.429.000 đ
	V-8S*	NF2/3/4P,NV3P NFCEW/SDW/SEW/HEW/REW,NV800SEW/HEW		2.429.000 đ
	V-AD3S	adjustment unit phần nổi dài cho NF 32/63/125/250		395.000 đ
	V-AD3L	adjustment unit phần nổi dài cho NF 400/800		1.248.000 đ
	(*) Phần nổi dài (adjustment unit) là phần chọn thêm			
	Tay xoay kiểu F			
	F-05SV2	NF2P NF32SV,NF63CV/SV/HV		1.890.000 đ
	F-05SV	NF3/4P,NV2/3P NF32SV, NF63CV/SV/HV, NV32SV, NV63CV/SV/HV		1.890.000 đ
	F-1SV2	NF2P NF125 CV/SV		1.890.000 đ
	F-1SV	NF3/4P,NV3/4P NF125CV/SV/HV, NV125CV/SV/HV		1.890.000 đ
	F-2SV	NF2/3/4P,NV3/4P NF125SEV/HEV/LGV/SGV/HGV,160SGV/LGV/HGV,250CV/SV/HV/SEV/HEV/SGV/LGV/HGV, NV125SEV/HEV, 250CV/SV/HV/SEV/HEV		2.320.000 đ
	F-4S	NF2/3/4P,NV3/4P NF,NV400/630CW/SW/SEW/HEWREW		2.455.000 đ
	F-8S	NF2/3/4P,NV3P NF800CEW/SDW/SEW/HEW/REW, NV800SEW/HEW		2.455.000 đ
	F-10SW	2P/3P NF1000,1250,1600SEW		4.613.000 đ
	F-10SW4P	4P NF1000,1250,1600SEW		4.613.000 đ
	Tay xoay kiểu S			
	S05SV	NF2/3/4P, NV3P NF32SV,NF63CV/SV/HV,125CV/SV/HV,NV32SV,NV63CV/SV/HV, 125CV/SV/HV		1.890.000 đ
	S2SV	2P/3P/4P NV125SEV/HEV,250CV/SV/HV/SEV/HEV,NF125SEV/HEV/SGV/LGV/HGV, 160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV		2.486.000 đ
	Motor nạp vận hành điện cho MCCB			
	MDSAD240-NF1SVE	NF125CV (3P), SV(3P,4P),125HV	AC100-240V/DC100-250V	25.886.000 đ
	MDSAD240-NF2SVE	NF125SEV/HEV,SGV/LGV/HGV,160SGV/LGV/HGV, 250CV/SV/HV/SGV/LGV/HGV/SEV/HEV	AC100-240V/DC100-250V	25.896.000 đ
	MDSAD240-NV1SVE	NV125CV/SV/HV	AC100-240V/DC100-250V	25.886.000 đ
	MDSAD240-NV2SVE	NV125SEV/HEV, NV250CV/SV/HV, NV250SEV/HEV	AC100-240V/DC100-250V	32.796.000 đ
	MDS-4SWA220	3P+4P NF400/630	200-220VAC 50/60HZ	39.852.000 đ
	MD-4SWA220	3P+4P NF400/630	200-220VAC 50/60HZ	39.852.000 đ
	MDS-8SWA220	3P+4P NF800	200-220VAC 50/60HZ	52.184.000 đ
	MD-8SWA220	3P+4P NF800	200-220VAC 50/60HZ	52.184.000 đ

Edited with Infix PDF

- free for non-comm

To remove this notice

www.iceni.com/unloc

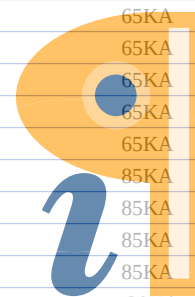
BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 09

ACB Máy cắt hạ thế (Air circuit Breaker) - Tiêu chuẩn IEC-60947-2/BS/EN60947-2/VDE JIS C8201-2-1

Hình ảnh	Loại	Đặc tính(số cực, dòng định mức)		Dòng ngắn mạch Icu AC240~500V	Đơn giá 2014 (VND)
	ACB Kiểu lắp cố định (Fixed type), 3 cực, cơ cấu nạp lò xo bằng tay, Relay bảo vệ kiểu tiêu chuẩn (S relay)				
	AE630-SW	3P	630A	65KA	71.217.000 đ
	AE1000-SW	3P	1000A	65KA	74.920.000 đ
	AE1250-SW	3P	1250A	65KA	79.961.000 đ
	AE1600-SW	3P	1600A	65KA	92.824.000 đ
	AE2000-SWA	3P	2000A	65KA	103.003.000 đ
	AE2000-SW	3P	2000A	85KA	113.301.000 đ
	AE2500-SW	3P	2500A	85KA	130.902.000 đ
	AE3200-SW	3P	3200A	85KA	167.535.000 đ
	AE4000-SWA	3P	4000A	85KA	337.571.000 đ
	AE4000-SW	3P	4000A	130KA	543.761.000 đ
	AE5000-SW	3P	5000A	130KA	598.198.000 đ
AE6300-SW	3P	6300A	130KA	652.532.000 đ	
	ACB Kiểu lắp cố định (Fixed type), 4 cực, cơ cấu nạp lò xo bằng tay, Relay bảo vệ kiểu tiêu chuẩn (S relay)				
	AE630-SW	4P	630A	65KA	85.005.000 đ
	AE1000-SW	4P	1000A	65KA	89.534.000 đ
	AE1250-SW	4P	1250A	65KA	95.396.000 đ
	AE1600-SW	4P	1600A	65KA	110.834.000 đ
	AE2000-SWA	4P	2000A	65KA	121.109.000 đ
	AE2000-SW	4P	2000A	85KA	130.799.000 đ
	AE2500-SW	4P	2500A	85KA	150.760.000 đ
	AE3200-SW	4P	3200A	85KA	190.483.000 đ
	AE4000-SWA	4P	4000A	85KA	406.937.000 đ
	AE4000-SW	4P	4000A	130KA	598.195.000 đ
	AE5000-SW	4P	5000A	130KA	652.532.000 đ
AE6300-SW	4P	6300A	130KA	717.774.000 đ	
	ACB Kiểu kéo ngoài (Drawout type), 3 cực cơ cấu nạp lò xo bằng tay, Relay bảo vệ kiểu tiêu chuẩn (S relay)				
	AE630-SW	3P	630A	65KA	94.678.000 đ
	AE1000-SW	3P	1000A	65KA	99.513.000 đ
	AE1250-SW	3P	1250A	65KA	103.937.000 đ
	AE1600-SW	3P	1600A	65KA	118.138.000 đ
	AE2000-SWA	3P	2000A	65KA	133.594.000 đ
	AE2000-SW	3P	2000A	85KA	146.954.000 đ
	AE2500-SW	3P	2500A	85KA	168.666.000 đ
	AE3200-SW	3P	3200A	85KA	214.048.000 đ
	AE4000-SWA	3P	4000A	85KA	507.382.000 đ
	AE4000-SW	3P	4000A	130KA	991.195.000 đ
	AE5000-SW	3P	5000A	130KA	1.006.091.000 đ
AE6300-SW	3P	6300A	130KA	1.019.908.000 đ	
	ACB Kiểu kéo ngoài (Drawout type), 4 cực cơ cấu nạp lò xo bằng tay, Relay bảo vệ kiểu tiêu chuẩn (S relay)				
	AE630-SW	4P	630A	65KA	109.494.000 đ
	AE1000-SW	4P	1000A	65KA	113.258.000 đ
	AE1250-SW	4P	1250A	65KA	122.256.000 đ
	AE1600-SW	4P	1600A	65KA	141.293.000 đ
	AE2000-SWA	4P	2000A	65KA	155.117.000 đ
	AE2000-SW	4P	2000A	85KA	178.780.000 đ
	AE2500-SW	4P	2500A	85KA	193.466.000 đ
	AE3200-SW	4P	3200A	85KA	242.036.000 đ
	AE4000-SWA	4P	4000A	85KA	529.964.000 đ
	AE4000-SW	4P	4000A	130KA	1.173.336.000 đ
	AE5000-SW	4P	5000A	130KA	1.187.747.000 đ
AE6300-SW	4P	6300A	130KA	1.202.256.000 đ	



Edited with Infix PDF
- free for non-commercial use

To remove this notice
www.iceni.com/unlock

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 10

Hình ảnh	Phụ kiện ACB	Loại	Mã hàng	Đơn giá 2014 (VNĐ)
ETR (Electronic Trip Relay), Khối thiết lập chính				
		WS1: General use	WS1-W	16.098.000 đ
		WS2: General use for - SWA	WS2-W	16.098.000 đ
		WM1: Generator Protection use	WM1-W	18.763.000 đ
		WM2: Generator Protection use for - SWA	WM2-W	18.763.000 đ
		WB1: MCR/INST Only	WB1-W	15.406.000 đ
		WB2: MCR/INST Only for SWA: WB2	WB2-W	15.406.000 đ
ETR (Electronic Trip Relay), Khối thiết lập tùy chọn				
		G1: Ground fault Protection	G1-W	6.226.000 đ
		E1: Earth leakage Protection	E1-W	6.226.000 đ
		AP: 2nd additional Protection	AP-W	6.226.000 đ
		N5: Neutral pole 50% Protection	N5-W	6.226.000 đ
ETR (Electronic Trip Relay), BỘ NGUỒN				
		P1: AC-DC100-240V	PW1-W	5.530.000 đ
		P2: DC24-60V	PW2-W	5.530.000 đ
		P3: AC100-240V/DC100-125V với tiếp điểm ngõ ra	PW3-W	6.226.000 đ
		P4: DC24-60V với tiếp điểm ngõ ra	PW4-W	6.226.000 đ
		P5: DC100-240V với tiếp điểm ngõ ra (SSR)	PW5-W	12.840.000 đ
Các phụ kiện tùy chọn khác cho ACB				
		EX1: Khối mở rộng	EX1-W	14.814.000 đ
		DP1: Display	DP1-W	17.283.000 đ
		DP2: Display onto panel board	DP2-W	19.753.000 đ
		VT: VT biến áp	VT-W	11.161.000 đ
		TAL: temperature alarm cho loại 3p	TAL(3)-W	17.283.000 đ
		TAL: temperature alarm cho loại 4p	TAL(4)-W	17.283.000 đ
		MCR-SW: MCR switch	MCR-SW	6.226.000 đ
Các phụ kiện kết nối mạng cho ACB				
		BIF-CC: CC-Link interface	BIF-CC-W	30.611.000 đ
		BIF-PR: PROFIBUS-DP interface	BIF-PR-W	30.611.000 đ
		BIF-MD: Modbus interface Unit	BIF-MD-W	30.611.000 đ
		I/O Unit	BIF-CON-W	14.814.000 đ
		Công tắc vị trí kéo ngoài cho mạng	BIF-CL-W	9.878.000 đ
TIẾP ĐIỂM PHỤ				
		AX(1a1b)	AX-2-W	7.113.000 đ
		AX(2a2b)	AX-4-W	7.113.000 đ
		AX(3a3b)	AX-6-W	16.805.000 đ
		AX(4a4b)	AX-8-W	16.805.000 đ
		AX(5a5b)	AX-10-W	16.805.000 đ
HAX: Tiếp điểm phụ AX dung lượng cao				
		HAX(1a1b)	HAX-2-W	6.561.000 đ
		HAX(2a2b)	HAX-4-W	8.695.000 đ
		HAX(3a3b)	HAX-6-W	10.510.000 đ
		HAX(4a4b)	HAX-8-W	12.743.000 đ
		HAX(5a5b)	HAX-10-W	15.011.000 đ
SHT: Shunttrip - cuộn cắt (luôn lắp đặt kèm với tiếp điểm phụ AX -0a0b, được bán riêng)				
		SHT (100-250V AC-DC)	SHT-AD250-W	6.324.000 đ
		SHT (380-500V AC)	SHT-A500-W	6.324.000 đ
		SHT (24-48V AC)	SHT-D048-W	6.324.000 đ

Edited with Infix PDF
- free for non-commercial use

To remove this notice
www.iceni.com/unlock

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 11

Hình ảnh	Phụ kiện ACB	Loại	Mã hàng	Đơn giá 2014 (VNĐ)		
UVT: Bảo vệ thấp áp						
		UVT DC24V INST	UVT-D024-W(INST)	18.345.000 đ		
		UVT DC48V INST	UVT-D048-W(INST)			
		UVT DC100-110V INST	UVT-D110-W(INST)			
		UVT DC120-125V INST	UVT-D125-W(INST)			
		UVT DC220V INST	UVT-D220-W(INST)			
		UVT DC100-120V INST	UVT-A120-W(INST)			
		UVT AC200-240V INST	UVT-A240-W(INST)			
		UVT DC24V 0.5s	UVT-D024-W(05)			
		UVT DC48V 0.5s	UVT-D048-W(05)			
		UVT DC100-110V 0.5s	UVT-D110-W(05)			
		UVT DC120-125V 0.5s	UVT-D125-W(05)			
		UVT DC220V 0.5s	UVT-D220-W(05)			
		UVT AC100-120V 0.5s	UVT-A120-W(05)			
		UVT AC200-240V 0.5s	UVT-A240-W(05)			
		UVT DC24V 3s	UVT-D024-W(30)	28.198.000 đ		
		UVT DC48V 3s	UVT-D048-W(30)			
		UVT DC100-110V 3s	UVT-D110-W(30)			
		UVT DC120-125V 3s	UVT-D125-W(30)			
		UVT DC220V 3s	UVT-D220-W(30)			
		UVT AC100-120V 3s	UVT-A120-W(30)			
		UVT AC200-240V 3s	UVT-A240-W(30)			
		UVT AC380-460V 3s	UVT-A460-W(30)			
		UVT AC380-460V INST	UVT-A460-W(INST)			
		UVT AC380-460V 0.5s	UVT-A460-W(05)			
	MD: Motor nạp lò xo					
			MD(100-125V AC-DC)		MD-AD125-W	23.701.000 đ
			MD(200-250V AC-DC)		MD-AD250-W	
			MD(100-125V AC-DC) for 4000SWA 4P		MD-AD125-4A4W	
		MD(200-250V AC-DC) for 4000SWA 4P	MD-AD250-4A4W			
		MD(24V DC) FOR 3/4P ngoại trừ 4000SWA 4P	MD-D024-W			
		MD(48V DC) FOR 3/4P ngoại trừ 4000SWA 4P	MD-D048-W			
		CC: cuộn đóng		8.931.000 đ		
		Closing coil (100-250V AC-DC)	CC-AD250-W			
		Closing coil (24-48V DC)	CC-D48-W			
Khóa liên động cơ khí MI						
		MI for 630SW-2000SWA 3P Fixed	MI-203F-W	23.501.000 đ		
		MI for 630SW-2000SWA 3P D/O	MI-203D-W			
		MI for 2000SW-4000SWA 3P Fixed	MI-403F-W			
		MI for 2000SW-4000SWA 3P D/O	MI-403D-W			
		MI for 630SW-2000SWA 4P Fixed	MI-204F-W			
		MI for 630SW-2000SWA 4P D/O	MI-204D-W			
		MI for 2000SW-4000SWA 4P Fixed	MI-404F-W			
		MI for 2000SW-4000SWA 4P D/O	MI-404D-W			
		MI for 4000SW-6300SW 3P Fixed	MI-633F-W			
		MI for 4000SW-6300SW 3P D/O	MI-633D-W			
		MI for 4000SW-6300SW 4P Fixed	MI-634HNF-W			
		MI for 4000SW-6300SW 4P D/O	MI-634HND-W			
		MI wire set for among 3 ACBs	MI-IW-W			
		BC-L - Miếng che nút bấm	BCL-W		10.100.000 đ	
	CNT - Bộ đếm	CNT-W	1.506.000 đ			
			15.011.000 đ			

MI: khóa liên động cơ khí (01 Bên)
(Bao gồm cấp nối)

BC-L

CNT

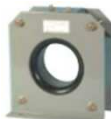
Edited with Infix PDF
- free for non-commercial use

To remove this notice
www.iceni.com/unlock

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN MITSUBISHI (MADE IN JAPAN)

Bảng giá áp dụng 01-01-2014 (giá chưa bao gồm thuế VAT10%)

Trang 12

Hình ảnh	Phụ kiện ACB	Loại	Mã hàng	Đơn giá 2014 (VNĐ)	
	Cover -tấm che mặt trước				
	Cho 630SW-2000SWA 3P		COVER-203-W	6.226.000 đ	
	Cho 630SW-2000SWA 4P		COVER-204-W	6.917.000 đ	
	Cho 2000SW-4000SWA 3P		COVER-403-W	7.411.000 đ	
	Cho 2000SW-4000SWA 4P		COVER-404-W	7.903.000 đ	
	CYL(Cylinder Lock)				
	Khóa Cylinder với chìa khóa .(#R0220)		CYL-WK-W	9.485.000 đ	
	Khóa Cylinder với chìa khóa .(#R501)		CYL-WK1-W		
Khóa Cylinder với chìa khóa .(#R502)		CYL-WK2-W			
Khóa Cylinder với chìa khóa .(#R503)		CYL-WK3-W			
	Khóa Cylinder với chìa khóa .(#R504)		CYL-WK4-W		
	DI (Khóa liên động cửa)				
	Khóa liên động cửa cho loại Drawout		DI-D-W	26.859.000 đ	
	Khóa liên động cửa cho loại Fixed		DI-F-W	26.859.000 đ	
	DF (Door Frame)				
	Viên cửa		DF-W	2.926.000 đ	
	CL (Công tắc vị trí)	Cell Switch (1C)	CL-1-W	9.485.000 đ	
		Cell Switch (2C)	CL-2-W	10.274.000 đ	
		Cell Switch (3C)	CL-3-W	11.853.000 đ	
		Cell Switch (4C)	CL-4-W	13.431.000 đ	
		SBC(Công tắc ngăn mạch)	SBC-W	3.956.000 đ	
		MIP (Bảo vệ lắp nhầm)	MIP-W	2.475.000 đ	
	TJ (Test Jumper)		TJ-W	62.201.000 đ	
	COT(Condenser Trip Device)	Condenser Trip Device	KF-100	30.611.000 đ	
	Condenser Trip Device	KF-200	30.611.000 đ		
	DRMECHA Thiết bị cơ khí cho thao tác kéo ngoài		DRMECHA-W	4.351.000 đ	
	ATC (Control Circuit Terminal)	Cho máy cắt	ATC1-W	3.956.000 đ	
		Cho khung gát	ATC2-W	4.943.000 đ	
	ZCT (BIẾN DÒNG) Biến dòng xuyên				
			ZT-15B-W	6.226.000 đ	
			ZT-30B-W	6.917.000 đ	
	Sử dụng cho dây nối đất MBA		ZT-40B-W	8.890.000 đ	
			ZT-60B-W	14.814.000 đ	
			ZT-80B-W	18.763.000 đ	
			ZT-100B-W	20.741.000 đ	
		ZCT-163W	574.420.000 đ		
	Sử dụng cho mạch dây tải		ZCT-323W	701.954.000 đ	
			ZCT-324W	765.212.000 đ	
NEUTRAL CURRENT TRANSFORMER (Biến dòng trung tính)					
	AE630SW-630A		NCT-06-W	12.752.000 đ	
	AE1000SW-1000A		NCT-10-W		
	AE1250SW/AE2000SW- 1250A		NCT-12-W		
	AE1600SW/AE2000SW - 1600A		NCT-16-W		
	AE2000SWA/AE2000SW - 2000A		NCT-20-W		
		AE2500SW - 2500A		NCT-25-W	15.308.000 đ
		AE3200SW - 3200A		NCT-32-W	
		AE4000SWA - 4000A		NCT-40-W	
		AE6300SW-6300A		NCT-63-W	

Edited with Infix PDF

- free for non-commercial use

To remove this notice

www.iceni.com/unlock

